

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 393/2024/DS-PT

Ngày: 29/7/2024

*“Tranh chấp huỷ Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất, di dời tài sản, trả lại
nhà và đất”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hải;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Huy Hoàng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 277/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc *“Tranh chấp huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, di dời tài sản, trả lại nhà và đất”*, do có kháng cáo của ông Lê Xuân D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7577/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị T (tên gọi khác: Lê Thị C), sinh năm 1948; Trú tại: khu D, xã H, thành phố V, tỉnh P; Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

- Bà Vũ Thị H, sinh năm 1974; Trú tại: Tổ H, khu B, phường V, thành phố V, tỉnh P; Có mặt.

- Ông Đặng Anh S, sinh năm 1974; Trú tại: Phường V, thành phố V, tỉnh P; Vắng mặt.

- Chị Phan Thị Thu H1, sinh năm 1999; Trú tại: Xã P, huyện L, tỉnh P; Vắng mặt.

- Chị Đỗ Minh N, sinh năm 1997; Trú tại: Đ, khu H, phường M, thành phố V, tỉnh P; Vắng mặt.

*** Bị đơn:** Anh Lã Tuấn D1, sinh năm 1976; Trú tại: Số nhà B, ngõ C, phố T, phường Đ, quận H, thành phố H; Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Chị Lã Thúy H2, sinh năm 1979; Trú tại: Thôn D, xã D, huyện H, thành phố H; Có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lã Xuân D, sinh năm 1948 và bà Lê Thị H3, sinh năm 1948; Địa chỉ: Khu E, xã H, thành phố V, tỉnh P; Thường trú: Số nhà G, ngõ I, phố C, thị trấn L, huyện L, tỉnh P; Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông D và bà H3: Chị Lã Thúy H2, sinh năm 1979; Trú tại: Thôn D, xã D, huyện H, thành phố Hà Nội; Có mặt.

2. Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh P; Địa chỉ: Phường T, thành phố V, tỉnh P.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Ngọc L, chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V, tỉnh P; Vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V, tỉnh P; Địa chỉ: Xã H, thành phố V, tỉnh P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Í, chức vụ: Chủ tịch UBND xã H; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lã Thị T (Lã Thị C) và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của ông Lã Hữu P là bố của bà Lã Thị T (Lã Thị C).

Năm 1988, TAND huyện Phong Châu đã xét xử sơ thẩm vụ án “*Kiểm đòi lại tài sản*” giữa nguyên đơn bà Lã Thị T (tức Lã Thị C) với bị đơn là ông Lã Sinh V. Sau khi xét xử sơ thẩm, do có kháng cáo nên TAND tỉnh V đã xét xử theo thủ tục phúc thẩm và quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm, xác nhận chị Lã Thị C là chủ sở hữu tài sản sau: 01 nhà gỗ 4 gian lợp ngói mái cổ, 01 sập gỗ, 01 bàn 4 ghế ba nan cong, 02 giường chài quạt, 01 nền sân gạch, 01 giếng xây, 01 cây mít, 01 cây nhãn, 01 cây xoan, 01 búi tre 150 cây, 01 cây hồng, 250 viên gạch chỉ, 300

viên gạch ngói tây và cây lâm lộc khác trên đất thổ cư 300m²; nếu chị C bán thì ưu tiên bán cho ông V. Bác yêu cầu của ông L1 Sinh Viên đòi sở hữu tài sản trên.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà T sinh sống một thời gian trên thửa đất này thì ông V đã cho các con về cấm chông, đánh đuổi bà T ra khỏi nhà. Do bà T có một mình nên không chống lại được gia đình ông V, sau đó bà T đi xây dựng gia đình ở nơi khác nên tạm thời để cho ông V quản lý và cũng với mục đích nghĩ rằng là chị em trong dòng họ với nhau, ông V sẽ suy nghĩ lại về việc làm sai trái và sẽ thay đổi để anh em trong dòng họ L1 được hòa thuận. Tuy nhiên, ông V không thay đổi; bà T đã nhiều lần yêu cầu ông V trả lại tài sản nhưng ông V không trả.

Đến cuối năm 2017, bà T được biết tài sản của bà đã được UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 922239 ngày 24/11/2014 cho ông Lã Xuân D; cấp đổi lại theo Quyết định 10850/QĐ-UBND ngày 24/11/2014; cấp lần đầu ngày 20/6/2020 số T78347, số vào sổ cấp phát O1372 do UBND huyện P cấp.

Việc ông D sử dụng thửa đất số 214, tờ bản đồ số 11 và được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này là không đúng, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lã Thị T (tức Lã Thị C). Hiện nay, ông D đã làm hợp đồng tặng cho con trai là anh Lã Tuấn D1 và anh D1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 515644 ngày 30/11/2017.

Đơn khởi kiện ban đầu do nguyên đơn chỉ thu thập được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lã Xuân D nên khởi kiện bị đơn là ông Lã Xuân D bà Lê Thị H3 để yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lã Xuân D. Sau khi biết việc thửa đất đã được ông Lã Xuân D, bà Lê Thị H3 tặng cho anh Lã Tuấn D1, anh D1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà T mới làm đơn đề nghị thay đổi địa vị tố tụng của anh Lã Tuấn D1 từ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thành bị đơn.

Bà Lã Thị T đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 515644 đã cấp cho anh Lã Tuấn D1 ngày 30/11/2017 và buộc anh Lã Tuấn D1 trả lại cho bà Lã Thị T nhà ở, tài sản gắn liền với đất và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 214, tờ bản đồ số 11, diện tích 324,3m² tại xóm R (nay là khu E) xã H, thành phố V, tỉnh P.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện theo uỷ quyền của bà T đề nghị Tòa án xem xét yêu cầu khởi kiện của bà T: Buộc anh Lã Tuấn D1 có trách nhiệm di dời toàn bộ các tài sản có trên thửa đất tranh chấp để trả lại cho bà T: Nhà ở, tài sản gắn

liên với đất và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 214, tờ bản đồ số 11, diện tích 324,3m² tại xóm R (nay là khu E), xã H, thành phố V, tỉnh P mà quyết định của bản án sơ thẩm của TAND huyện Phong Châu và bản án phúc thẩm của TAND tỉnh V đã quyết định.

Bị đơn anh Lã Tuấn D1 và đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Lã Thúy H2 trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lã Thị T về việc buộc anh D1 trả lại tài sản: Anh Dũng thừa nhận có bản án của TAND huyện P và TAND tỉnh V xét xử năm 1988. Đến ngày 15/6/1989, các cơ quan có thẩm quyền của huyện P đã tổ chức thi hành án đối với quyết định của các bản án trên. Do đó, bà T không có quyền khởi kiện yêu cầu anh D1 trả lại tài sản cho bà T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 515644, anh D1 đề nghị Tòa án xác định rõ yêu cầu khởi kiện của bà T phải được giải quyết theo quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự hay Tổ tụng hành chính. Cần xác định rõ điều đó thì mới xác định được chính xác địa vị tổ tụng của các đương sự trong vụ án. Thửa đất bà T khởi kiện anh D1 đã được UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh D1. Do vậy, thuộc quyền sử dụng của anh D1, bà T không có quyền đòi; anh D1 không đồng ý với việc xác định anh là bị đơn trong vụ án này mà chỉ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đồng thời, đề nghị Tòa án xem xét áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của bà T và bác yêu cầu khởi kiện của bà T, đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lã Xuân D và bà Lê Thị H3 là chị Lã Thúy H2 trình bày:

Nhất trí với việc thay đổi địa vị tổ tụng của ông D, bà H3 từ bị đơn thành người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đại diện theo ủy quyền của ông D, bà H3 là chị Lã Thúy H2 đề nghị Tòa án nghiên cứu, xem xét hồ sơ để xác định rõ ràng quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án. Thửa đất tranh chấp trên, chị H2 cho rằng nguồn gốc là do bà T bán lại cho ông L1 Sinh Viên là ông nội chị H2. Năm 1993, bà nội chị là bà Nguyễn Thị M đã có Biên bản họp nội tộc chia di sản thừa kế thừa đất và ngôi nhà cấp 4 cho bố chị là ông Lã Xuân D. Năm 2002, bố chị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và năm 2017 bố, mẹ chị đã tặng cho anh Lã Tuấn D1 là anh trai chị và hiện nay anh Lã Tuấn D1 đã được UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị xác định các tài sản có trên đất và quá trình sửa chữa ngôi nhà cấp 4 cũng như làm thêm

các công trình trên đất có sự đóng góp của bố, mẹ chị cũng như anh D1. Nay bố, mẹ chị đã tặng cho anh D1 đất và toàn bộ tài sản trên đất, nên tất cả thuộc quyền sử dụng của anh D1. Chị nhất trí với ý kiến trình bày của anh D1 và chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đảm bảo quyền lợi cho anh D1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố V do ông Trần Ngọc L đại diện theo ủy quyền trình bày:

Hộ ông Lã Xuân D được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 783847 gồm thửa 05 thửa đất, gồm thửa 79, tờ bản đồ số 10, diện tích 315m² (đất ở 300m², đất vườn 15m²); thửa số 59-26, tờ bản đồ số 3, diện tích 45m² đất lúa, thửa số 10-1, tờ bản đồ số 4, diện tích 377m² đất lúa, thửa số 134-12, tờ bản đồ số 10, diện tích 28m² đất lúa và thửa 195-1 tờ bản đồ số 10, diện tích 23m² đất lúa ngày 20/6/2002, sổ vào sổ cấp GCNQSD đất HO 1372 QSDĐ.

Sau khi đo đạc bản đồ địa chính xã H, hộ ông Lã Xuân D đã lập hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất ở và được UBND thành phố cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 922239 ngày 24/11/2014 theo Quyết định số 10850/QĐ-UBND tại thửa số 214, tờ bản đồ số 11, diện tích 324,3m² (đất ở 300m², đất vườn 24,3m²). Diện tích tăng thêm 9,2m² do đo đạc lại.

Ngày 06/11/2017, ông Lã Xuân D và bà Lê Thị H3 lập hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho ông Lã Tuấn D1 tại Văn phòng C1, tỉnh P. Kèm theo hợp đồng là văn bản cam kết của các thành viên trong hộ gia đình với tài sản gồm có ông Lã Xuân D, bà Lê Thị H3, và bà Lã Thúy H2 ký kết.

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi UBND xã H và UBND thành phố V; UBND xã H kiểm tra lập bản trích lục bản đồ, xác nhận vào đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/11/2017 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận ngày 07/11/2017. Sau khi chủ hộ thực hiện nghĩa vụ tài chính, ngày 30/11/2017 UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 515644 cho ông Lã Tuấn D1 theo Quyết định số 11077/QĐ-UBND, đồng thời thu lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Lã Xuân D.

Qua rà soát liên quan đến vụ việc trên đã được Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử tại Bản án số 16/PT ngày 21/4/1988. Toàn bộ quá trình kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện từ cấp xã và do Hội đồng đăng ký đất đai cấp xã xét duyệt trước khi trình UBND cấp huyện xét duyệt. Trong quá trình này

chủ hộ không xuất trình bản án số 16/PT ngày 21/4/1988 của Tòa án nhân dân tỉnh V và không nhận được đề nghị của bà Lã Thị T liên quan đến đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dẫn đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là chưa đảm bảo.

Hiện nay, bà Lã Thị T có đơn khởi kiện đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố V cấp cho anh Lã Tuấn D1 và ông Lã Xuân D đối với thửa số 214, tờ bản đồ số 11; UBND thành phố V đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, các quy định pháp luật hiện hành để xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V do bà Lã Thị Thu H4 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Sau khi kiểm tra hồ sơ địa chính lưu trữ tại UBND xã và bản sao lưu hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Lã Xuân D và ông Lã Tuấn D1, UBND xã có ý kiến như sau:

Hộ ông Lã Xuân D được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 783847 gồm thửa 05 thửa đất, gồm thửa 79, tờ bản đồ số 10, diện tích 315m² (Đất ở 300m², đất vườn 15m²); thửa số 59-26, tờ bản đồ số 3, diện tích 45m² đất lúa, thửa số 10-1, tờ bản đồ số 4, diện tích 377m² đất lúa, thửa số 134-12, tờ bản đồ số 10, diện tích 28m² đất lúa và thửa 195-1 tờ bản đồ số 10, diện tích 23m² đất lúa.

Sau khi đo đạc bản đồ địa chính xã H, hộ ông Lã Xuân D đã lập hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất ở và được UBND thành phố cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 922239 ngày 24/11/2014 theo Quyết định số 10850/QĐ-UBND tại thửa số 214, tờ bản đồ số 11, diện tích 324,3m² (đất ở 300m², đất vườn 24,3m²). Diện tích tăng thêm 9,2m² do đo đạc lại.

Ngày 06/11/2017, ông Lã Xuân D và bà Lê Thị H3 lập hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho ông Lã Tuấn D1 tại Văn phòng C1, tỉnh P. Kèm theo hợp đồng là văn bản cam kết của các thành viên trong hộ gia đình với tài sản gồm có ông Lã Xuân D, bà Lê Thị H3, và bà Lã Thúy H2 ký kết.

Ông Lã Tuấn D1 lập Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi UBND xã H và UBND thành phố V. UBND xã H kiểm tra lập bản trích lục bản đồ, xác nhận vào đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/11/2017 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận ngày

07/11/2017. Sau khi chủ hộ thực hiện nghĩa vụ tài chính, ngày 30/11/2017, UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 515644 cho ông Lã Tuấn D1 theo Quyết định số 11077/QĐ-UBND, đồng thời thu lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Lã Xuân D.

Qua rà soát liên quan đến vụ việc trên hiện nay UBND xã không lưu trữ hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho ông D, cũng như cho anh D1. Hiện nay, UBND xã còn lưu bản sao Bản án số 16/PT ngày 21/4/1988 của Tòa án nhân dân tỉnh V, Bản phê to biên bản họp nội tộc ngày 22/01/1089, sổ mục kê, bản đồ địa chính năm 2001 đứng tên chủ sử dụng đất ông Lã Xuân D.

Đối với tài liệu liên quan đến thủ tục thi hành Bản án số 16/PT ngày 21/4/1988 của TAND tỉnh V mà TAND tỉnh P đề nghị UBND xã H cung cấp: Sau khi kiểm tra lại toàn bộ hồ sơ lưu trữ, UBND xã H không thấy còn tài liệu gì liên quan đến thủ tục thi hành bản án số 16/PT ngày 21/4/1988 của TAND tỉnh V.

Hiện nay, bà Lã Thị T có đơn khởi kiện đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố V cấp cho anh Lã Tuấn D1 và ông Lã Xuân D đối với thửa số 214, tờ bản đồ số 11. UBND xã H, thành phố V đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, các quy định pháp luật hiện hành để xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh P đã quyết định:

Căn cứ Điều 1 Điều 22 Luật Đất đai năm 1987; Điều 100, 106, 203 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 5 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 147, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lã Thị T (Lã Thị C).

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 515644 do UBND thành phố V cấp ngày 30/11/2017, đứng tên anh Lã Tuấn D1 đối với thửa đất số 214, tờ bản đồ số 11, diện tích 324,3m² (Đất ở 300m², đất vườn 24,3m²); diện tích đo thực tế hiện nay là 322m² (Đất ở 300m², đất vườn 22m²) tại: xóm R (nay là khu E) xã H, thành phố V, tỉnh P.

- Buộc anh Lã Tuấn D1 có trách nhiệm di dời các tài sản thuộc quyền sở hữu của anh D1 gồm: 01 án gian; 02 lọ lục bình; 01 sập gỗ; 02 giường gỗ; 01 phản gỗ; 01 bộ sa lông gỗ; 02 bộ bàn gỗ; 05 ghế gỗ; 01 tủ nhôm; toàn bộ ngói mũi hài để ngoài sân và các tài sản khác thuộc quyền sử dụng của anh D1 ra khỏi thửa đất

số 214, tờ bản đồ số 11; địa chỉ tại: xóm R (nay là khu E) xã H, thành phố V, tỉnh P.

- Buộc anh Lã Tuấn D1 có trách nhiệm trả lại thửa đất số 214, tờ bản đồ số 11, diện tích đo thực tế hiện nay là 322m² (Đất ở 300m², đất vườn 22m²) tại: xóm R (nay là khu E) xã H, thành phố V, tỉnh P cho bà Lã Thị T (Lã Thị C) (có sơ đồ bản vẽ kèm theo). Trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4 thuộc quyền sử dụng của bà T cùng các tài sản do gia đình anh Lã Tuấn D1 làm thêm gồm: 60 cái song gỗ mít kích thước 40cm; 25 cái song gỗ mít kích thước 25cm; 12 cái dầm ngang gỗ mít kích thước 20cm x 10cm x 2m; 3 bộ cửa chính bằng gỗ mít; 4 bộ cửa sổ gỗ mít; vách gỗ ngăn phòng khách, phòng ngủ gỗ xoan; ngói mũi hài lợp trên diện tích nhà 74,5m²; toàn bộ gạch lát nền nhà; nền xi măng láng phía sau; toàn bộ gạch đỏ lát sân; cổng nhà làm bằng sắt, trụ cổng; tường rào phía trước; tường nhà sửa lại; đường vào nhà đổ bê tông; tường bao quanh giáp nhà bà P1; 56 cây chuối; 01 cây thiết mộc lan; 01 cây lộc vừng.

- Bà Lã Thị T (Lã Thị C) có trách nhiệm thanh toán cho anh Lã Tuấn D1 số tiền công sức làm tăng giá trị các tài sản trên là 92.798.000 đồng (Chín mươi hai triệu bảy trăm chín tám nghìn đồng) và bà Lã Thị T (Lã Thị C) tự nguyện hỗ trợ anh Lã Tuấn D1 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để di dời tài sản.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 10/4/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lã Xuân D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn gồm anh Đặng Anh S, chị Phan Thị Thu H1, chị Đỗ Minh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND thành phố V, tỉnh P vắng mặt; UBND xã H, thành phố V, tỉnh P vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Lã Xuân D là người có kháng cáo vắng mặt nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền.

Bà Vũ Thị H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lã Xuân D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn là anh Lã Tuấn D1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là chị Lã Thúy H2 đề nghị Hội đồng xét xử triệu tập bà Lã Ngọc L2 tham gia tố tụng với tư cách là nhân chứng và cho rằng quyết định của bản án sơ thẩm không phù

hợp với tình tiết khách quan của vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã sai lầm nghiêm trọng trong việc sử dụng, đánh giá chứng cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các quy định pháp luật và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lã Thị T là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lã Xuân D không xuất trình được tài liệu gì mới để bảo vệ cho nội dung kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Lã Xuân D. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lã Xuân D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn là bà Lã Thị T (Lã Thị C) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lã Tuấn D1 có trách nhiệm di dời toàn bộ các tài sản có trên thửa đất tranh chấp để trả lại cho bà T nhà ở, tài sản gắn liền với thửa đất số 214, tờ bản đồ số 11, diện tích 324,3m² tại xóm R (nay là khu E) xã H, thành phố V, tỉnh P và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 515644 ngày 30/11/2017 do UBND thành phố V cấp cho anh Lã Tuấn D1. Tòa án nhân dân tỉnh P thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, di dời tài sản, trả lại nhà và đất*” là đúng quy định tại Điều 26, Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2]. Về việc vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn gồm anh Đặng Anh S, chị Phan Thị Thu H1, chị Đỗ Minh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND thành phố V, tỉnh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; ông Lã Xuân D là người có kháng cáo vắng mặt nhưng có

mặt người đại diện theo ủy quyền; UBND xã H, thành phố V, tỉnh P vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[1.3]. Về thời hạn kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Lã Xuân D có đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của ông D được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định của pháp luật, đảm bảo đúng quy định tại các Điều 272, Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lã Xuân D, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1]. Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp và quá trình sử dụng đất:

Theo lời khai của bà Nguyễn Thị P2 (vợ ông Lã Văn T1, ông T1 là em ông Lã Sinh V, ông Lã Hữu P): Thửa đất tranh chấp là do ông P được bố để là ông Lã Văn H5 chia cho khi ông H5 còn sống. Ông H5 chết để lại tài sản là 01 ngôi nhà 4 gian lợp ngói mũi cò cùng các tài sản, cây trồng trên đất. Sau đó bà được biết gia đình bà M cùng một số nội tộc đã họp và chia tài sản trên cho ông Lã Xuân D là người được sở hữu, quản lý, sử dụng. Hiện nay vẫn đang là nơi thờ cúng của cảnh 2, chi 4, họ Lã. Khi cúng giỗ thì tất cả anh em, con cháu về thắp hương, tảo mộ.

Theo lời khai của ông Nguyễn Chiến L3 - Trưởng khu 5: Nguồn gốc thửa đất là của ông P, ông P được bố để cho nhưng hiện nay do ông D đã được gia đình họp và giao ông D là người quản lý, sử dụng làm nơi thờ cúng chung.

Căn cứ lời khai của bà Nguyễn Thị P2, ông Nguyễn Chiến L3 phù hợp với nhận định của Bản án dân sự sơ thẩm không số ngày 02/12/1987 của Tòa án nhân dân huyện Phong Châu và Bản án dân sự phúc thẩm số 16/PT ngày 21/4/1988 đã có hiệu lực của Tòa án nhân dân tỉnh Vú xác nhận: Ông V (bố đẻ ông Lã Xuân D) và ông P đều được bố mẹ để là ông H5, bà N1 cho hai phần quyền sử dụng đất khác nhau. Ông P đã xây dựng nhà, trồng cây và có các tài sản trên đất. Khi ông P còn sống, giữa ông P và ông V không xảy ra tranh chấp; bà Lã Thị T (tức bà C) là con ông P vẫn ăn ở, sinh hoạt tại ngôi nhà này cùng bố là ông P cho đến khi ông P chết (năm 1995) thì bà T vẫn ở trên nhà này.

Như vậy, nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của ông Lã Hữu P. Ông P có vợ là bà Nguyễn Thị S1 (chết năm 1962); ông P, bà S1 có 02 người con là anh Lã Văn Đ và chị Lã Thị T; anh Đ chết năm 1972 ở chiến trường B; ngoài ra không có con riêng hay con nuôi nào khác. Căn cứ quy định pháp luật thì bà T được hưởng toàn bộ di sản thừa kế do ông P, bà S1 để lại. Mặt khác, tại Bản án dân sự

phúc thẩm số 16/PT ngày 21/4/1988 của Tòa án nhân dân tỉnh V đã có hiệu lực pháp luật cũng xác nhận bà Lã Thị C (là con gái ông P) là chủ sở hữu tài sản gồm 01 nhà gỗ 4 gian lợp ngói mái cổ, 1 sập gỗ, 1 bàn 4 ghế ba nạm cong, 2 giường chài quạt, 1 nền sân gạch, 1 giếng xây, 1 cây mít, 1 cây nhãn, 1 cây xoan, 1 búi tre 150 cây, 1 cây hồng, 250 viên gạch chỉ, 300 viên gạch ngói tây và các cây lâm lộc khác trên đất thổ cư 300m² đứng tên ông Lã Hữu P (đã chết) là bố đẻ của bà Lã Thị C. Đồng thời bác yêu cầu của ông L1 Sinh Viên đòi sở hữu tài sản trên vì không phải là tài sản chung của dòng họ. Do đó, bà T (tức C) được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 214, tờ bản đồ số 11 tại xóm R (nay là khu E), xã H, thành phố V, tỉnh Phú và tài sản trên đất. Việc ông V tự ý lấn chiếm, sử dụng 01 gian nhà và tài sản trên đất do ông P để lại là trái quy định pháp luật.

[2.2]. Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 515644 do UBND thành phố V cấp cho anh Lã Tuấn D1 ngày 30/11/2017.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T cũng như anh D1, chị H2 đều xác nhận bà T đã được Cơ quan thi hành án tiến hành giao tài sản theo quyết định của Bản án dân sự phúc thẩm số 16/PT ngày 21/4/1988 của Tòa án nhân dân tỉnh V. Phía bà T trình bày sau khi được giao đất và tài sản trên đất, bà có ở trên thửa đất một thời gian, sau đó gia đình ông Lã Sinh V đánh không cho bà tiếp tục ở và đuổi bà ra khỏi nhà, vì một mình thân cô thế cô nên bà đã dọn ra ngoài, nhiều lần bà về đòi nhưng gia đình ông V không trả. Ông D trình bày: Ông không nhớ bà T kết hôn năm nào. Bố mẹ ông là ông Lã Sinh V (đã chết 1991) và bà Nguyễn Thị M (đã chết 2000) là người trực tiếp trông coi, thờ cúng tổ tiên và quản lý, duy trì, tu sửa nhà và đất của ông P, bà S1, từ đó cho đến khi bà T (tức C) khởi kiện tại TAND huyện Phong Châu. Kể từ khi ông Lã Hữu P, bà Nguyễn Thị S1, ông Lã Văn Đ (con ông P, bà S1) chết thì hàng năm bà T không quan tâm, không thực hiện việc cúng giỗ. Hiện nay ngôi nhà của ông P, bà S1 là do ông đang quản lý, tu sửa và hương khói cho dòng họ từ năm 2002 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Lã Thúy H2 là người đại diện theo ủy quyền của ông D, bà H3, anh D1 cho rằng thửa đất trên bà T đã bán lại cho ông L1 Sinh Viên là ông nội chị H2. Năm 1993, bà nội chị là Nguyễn Thị M đã có Biên bản họp nội tộc chia di sản thừa kế thửa đất và ngôi nhà cấp 4 cho bố chị là ông Lã Xuân D. Năm 2002, bố chị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và năm 2017 bố, mẹ chị đã tặng cho anh Lã Tuấn D1 là anh trai chị; hiện nay anh Lã Tuấn D1 đã được UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thuộc quyền sử dụng của anh D1.

Như vậy, các đương sự đều thừa nhận thừa đất và ngôi nhà trên đất thuộc quyền sử dụng của bà T. Chị H2 cho rằng bà T đã bán lại cho ông V, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị H2 và anh D1 không xuất trình được tài liệu, chứng cứ thể hiện có việc bà T chuyển nhượng nhà, đất trên cho ông V. Chị H2 căn cứ vào Văn bản phân chia di sản thừa kế của bà M năm 1993 để cho rằng đất và ngôi nhà tranh chấp là tài sản của ông V, bà M. Xem xét đánh giá tính pháp lý của Văn bản phân chia di sản năm 1993 của bà M nhận thấy: Hiện nay, văn bản phân chia di sản thừa kế không còn bản gốc, chỉ còn bản phô tô, nội dung văn bản có ghi: Ông Lã Xuân D có trách nhiệm tu sửa và được quyền sở hữu ngôi nhà thờ 4 gian. Ngôi nhà này khi ông P còn sống là chủ sở hữu, khi ông P chết nội tộc họp bàn giao cho ông V và bà M sở hữu, nay bà M giao cho ông D sở hữu. Nội dung văn bản xác định thừa đất và ngôi nhà thuộc quyền sở hữu của ông P bố đẻ bà T. Trong văn bản không có nội dung nào thể hiện có việc ông V mua lại của bà T như chị H2 trình bày. Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phong Châu và Bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh V có hiệu lực pháp luật đã xác định nhà và đất tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 10, diện tích 315m² là của bà T. Do đó, việc bà M lập biên bản phân chia di sản xác định đất của nội tộc và tự định đoạt giao cho ông D được quyền sử dụng và năm 2002, ông D tự ý kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng tài sản trên đất thuộc quyền sử dụng của bà T; đồng thời làm thủ tục tặng cho anh Lã Tuấn D1 là không đúng quy định pháp luật. Ngoài ra, tại Bản tự khai ngày 23/10/2023, đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố V cũng đã xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D là chưa đảm bảo.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy: Năm 2002, UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 214, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất tại xóm R (nay là khu E) xã H, thành phố V, tỉnh P cho ông Lã Xuân D và năm 2017 ông D, bà H3 tặng cho anh Lã Tuấn D1 và anh D1 được UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên là không đúng quy định pháp luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 515644 do UBND thành phố V cấp cho ông Lã Tuấn D1 theo Quyết định số 11077/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 là có căn cứ.

[2.3]. Đối với yêu cầu của bà Lã Thị T về việc buộc anh Lã Tuấn D1 phải trả lại cho bà nhà ở, tài sản gắn liền với đất và quyền sử dụng tại thửa đất số 214, tờ bản đồ số 11 tại xóm R (nay là khu E) xã H, thành phố V, tỉnh P:

Thửa đất số 39, tờ bản đồ số 10, diện tích 315m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở, 15m^2 đất vườn), nay là thửa đất số 214, tờ bản đồ số 11, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 515644 do UBND thành phố V cấp cho anh Lã Tuấn D1 là $324,3\text{m}^2$ (trong đó 300m^2 đất ở, $24,3\text{m}^2$ đất vườn) tại khu E, xã H, thành phố V, tỉnh P. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/9/2023 thì diện tích sử dụng thực tế là $356,4\text{m}^2$, trong đó có $34,4\text{m}^2$ là đất đường giao thông do Nhà nước quản lý. Do đó, thửa đất số 214, tờ bản đồ số 11 có diện tích ($356,4\text{m}^2 - 34,4\text{m}^2$) = 322m^2 .

Ngoài ra, UBND thành phố V còn xác nhận đối với phần diện tích 15m^2 tăng so với quyết định của Bản án số 16/PT ngày 21/4/1988 của Tòa án nhân dân tỉnh V và tăng $9,2\text{m}^2$ so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 922239 ngày 24/11/2014 do UBND thành phố V cấp cho ông D là do sai số trong quá trình đo đạc.

Như vậy, mặc dù tài sản của bà Lã Thị T được giao theo Bản án phúc thẩm số 16/PT của Tòa án nhân dân tỉnh V xác định là 300m^2 , nhưng theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh P thì thửa đất có diện tích 322m^2 (tăng 22m^2) là do sai số trong quá trình đo đạc, ranh giới thửa đất không có sự thay đổi. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông D1 có trách nhiệm trả lại thửa đất số 214, tờ bản đồ số 11, diện tích đo thực tế là 322m^2 (đất ở 300m^2 , đất vườn 22m^2) cho bà T là có căn cứ.

Theo Bản án dân sự phúc thẩm số 16/PT ngày 21/4/1988 của Tòa án nhân dân tỉnh V xác định bà Lã Thị T là chủ sở hữu đối với các tài sản, gồm: 01 gian nhà gỗ 04 gian lợp ngói cổ, 01 sập gỗ, 01 bàn ghế ba nan cong, 02 giường chài quạt, 01 nền sân gạch, 01 giếng cây xanh, 01 cây mít, 01 cây nhãn, 01 cây xoan, 01 búi tre 150 cây, 01 cây hồng, 250 viên gạch chỉ, 300 viên gạch ngói tây và cây lâm lộc khác; hiện nay trên đất vẫn còn tài sản là ngôi nhà gỗ. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà T có ý kiến đối với những tài sản trên đất ngoài ngôi nhà thì bà không đề nghị xem xét đến những tài sản khác trên đất.

Đại diện theo ủy quyền của anh D1, ông D, bà H3 cho rằng năm 2006 và năm 2016, gia đình ông D, bà H3 có sửa chữa, thay thế đối với một số tài sản trên đất hết tổng số tiền 92.798.000 đồng. Năm 2017, ông D, bà H3 đã tặng cho anh D1 toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất nên các tài sản đó hiện nay thuộc quyền sử dụng của anh D1. Chị H2 xác định trường hợp Tòa án quyết định trả lại nhà đất cho bà T thì đề nghị xem xét công sức ông D, bà H3 đã bỏ ra làm tăng giá trị sử dụng của ngôi nhà và đất.

Bà T cho rằng việc ông D, anh D1 đã chiếm dụng đất và tài sản của bà mà không được sự đồng ý cho phép của bà là trái pháp luật. Ông D, anh D1 sử dụng nhà đất của bà rất nhiều năm đã khai thác lợi ích từ thửa đất và tự ý tu sửa làm tăng giá trị ngôi nhà và đất mà không được sự đồng ý của bà là xâm phạm đến quyền lợi của bà. Tuy nhiên, bà cũng nhất trí thanh toán trả cho ông D, bà H3 (nay thuộc của anh D1) phần công sức trong việc làm tăng giá trị của ngôi nhà và đất theo kết quả của Hội đồng định giá. Ngoài ra, bà T tự nguyện hỗ trợ anh D1 10.000.000 đồng tiền di dời các tài sản của anh D1 để trả lại nhà đất cho bà T.

Như vậy, mặc dù ông D, anh D1 sử dụng nhà đất của bà T không được sự đồng ý của bà T là trái pháp luật, việc tự ý làm thay đổi tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của bà T thì anh D1 phải có trách nhiệm tháo dỡ di dời để trả lại đất cho bà T. Tuy nhiên, tại phiên toà sơ thẩm và phiên toà phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của bà T có ý kiến những hạng mục ông D, bà H3, anh D1 đã làm để lại cho bà T sử dụng và bà T đồng ý thanh toán cho anh D1 phần công sức trong việc làm tăng giá trị của ngôi nhà và đất theo kết quả của Hội đồng định giá là 92.798.000 đồng. Ngoài ra, bà T tự nguyện hỗ trợ anh D1 10.000.000 đồng tiền di dời các tài sản của anh D1 gồm: 01 án gian; 02 lọ lục bình; 01 sập gỗ; 02 giường gỗ; 01 phản gỗ; 01 bộ sa lông gỗ; 02 bộ bàn gỗ; 05 ghế gỗ; 01 tủ nhôm; còn các tài sản khác thuộc quyền sử dụng của anh D1 để trả lại nhà và đất cho bà T. Xét thấy, các công trình do ông D, bà H3, anh D1 làm tăng thêm giá trị đều gắn liền với ngôi nhà và quyền sử dụng đất của bà T, nên không thể tháo rời. Bà T xin được sử dụng và tự nguyện thanh toán giá trị tài sản cho anh D1, sự tự nguyện của bà T phù hợp với thực tế sử dụng và phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận. Đối với số tiền thuế đất ông D, anh D1 đã nộp trong những năm sử dụng đất, quá trình giải quyết vụ án anh D1 chưa xuất trình được cho Toà án đầy đủ các hoá đơn nộp thuế; phía ông D, anh D1 không đề nghị giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đối với nội dung này, tách ra giải quyết sau khi anh D1, ông D có yêu cầu là phù hợp.

[3]. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện các tài liệu có trong hồ sơ, đưa ra quyết định là có căn cứ, đảm bảo được quyền, lợi ích của các bên đương sự. Tại cấp phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của ông Lã Xuân D không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của ông D, Hội đồng xét xử đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa

và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lã Xuân D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng ông Lã Xuân D là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông D được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của ông Lã Xuân D; giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh P.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông ông Lã Xuân D.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Trọng

Vũ Thị Thu Hà

Hoàng Thị Bích Hải

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh P;
- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Hải